*Tuto žádost odevzdejte třídnímu učiteli či vedení školy před plánovanou nepřítomností dítěte ve škole (např. před odjezdem na dovolenou, ozdravným pobytem, návštěvou v zahraničí…). Přesné podmínky omlouvání nepřítomnosti určuje školní řád. Obvykle při kratší nepřítomnosti (max. 3-5 dnů) může být dostatečné svolení třídního učitele/učitelky, u nepřítomnosti na delší dobu schvaluje uvolnění také ředitel/ka.*

*Xin hãy nộp đơn này cho giáo viên chủ nhiệm hoặc ban giám hiệu nhà trường trước kế hoạch nghỉ học của trẻ (vd. trước khi đi nghỉ, đi nghỉ dưỡng, sang nước ngoài …). Quy định cụ thể về việc nghỉ học được xác định bởi nội quy của trường. Thường nghỉ học ngắn ngày (tối đa 3-5 ngày) việc cho phép nằm trong thẩm quyền của giáo viên chủ nhiệm, nếu nghỉ thời gian dài hơn, hiệu trưởng sẽ là người quyết định.*

**Žádost o uvolnění z výuky / Xin vắng mặt trong giờ học**

(dle § 50 zákona 561/2004 Sb. V platném znění / theo § 50 luật 561/2004 Sb. Thực hành)

Žádám o uvolnění mého syna/dcery 1………………………………………. žáka/žákyně třídy 2……… z výuky

v termínu od 3……………………………. do 4…………………………………..

z důvodu rodinné rekreace5 / zahraniční cesty6 / jiného důvodu7 :

…………………………………………………….………………………………………………

Tôi đề nghị cho con tôi 1………………………………………. học sinh lớp 2……… vắng mặt trong giờ học

vào thời gian từ 3……………………………. đến 4…………………………………..

vì lý do kỳ nghỉ của gia đinh5 / xuất ngoại6 / lý do khác7 :

…………………………………………………….………………………………………………

**Vyjádření třídní učitelky/třídního učitele: / Bình luận của giáo viên chủ nhiệm:**

Uvolnění z vyučování doporučuji1 / nedoporučuji2

Tôi khuyến nghị cho1 / không cho2 học sinh nghỉ học

V / Tại …………….. dne / ngày ……………… Podpis / Chữ ký …………………………………..

**Vyjádření ředitelky/ředitele školy: / Bình luận của hiệu trưởng:**

Uvolnění z vyučování schvaluji1 / neschvaluji2

Tôi chấp thuận1 / không chấp thuận cho2 học sinh nghỉ học

V / Tại …………….. dne / ngày ……………… Podpis / Chữ ký …………………………………..